

Số: 1364 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2013 - 2014

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-BNN-TCCB ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy định công tác thi đua khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 và Quy chế Quản lý nguồn thu và Chi tiêu nội bộ được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-NNH ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện và theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2013 - 2014 cho **232** Chiến sĩ thi đua cơ sở và **782** Lao động tiên tiến của Học viện (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi công chức, viên chức và người lao động được thưởng mức tiền thưởng là 1.150.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 350.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Học viện.

Tổng số tiền thưởng là **540.500.000 đồng**

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, TC-KT, Trưởng các đơn vị liên quan và các công chức, viên chức và người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VTHC, TC.



**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ NĂM HỌC 2013 - 2014**
(Kèm theo Quyết định số **1364** /QĐ-HVN ngày 07 tháng 7 năm 2014
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
1	Nguyễn Tất	Cảnh	1	Cảnh tác học	1,150,000	
2	Hà Thị Thanh	Bình	1	Cảnh tác học	1,150,000	
3	Đỗ Tấn	Dũng	1	Bệnh cây	1,150,000	
4	Ninh Thị	Phép	1	Cây công nghiệp	1,150,000	
5	Nguyễn Đình	Vinh	1	Cây công nghiệp	1,150,000	
6	Tăng Thị	Hạnh	1	Cây lương thực	1,150,000	
7	Phạm Văn	Cường	1	Cây lương thực	1,150,000	
8	Trần Đình	Chiến	1	Côn trùng	1,150,000	
9	Hồ Thị Thu	Giang	1	Côn trùng	1,150,000	
10	Lê Ngọc	Anh	1	Côn trùng	1,150,000	
11	Phạm Tiến	Dũng	1	PP thí nghiệm và Thống kê sinh học	1,150,000	
12	Đỗ Thị	Hường	1	PP thí nghiệm và Thống kê sinh học	1,150,000	
13	Vũ Văn	Liết	1	Di truyền giống	1,150,000	
14	Nguyễn Hồng	Minh	1	Di truyền giống	1,150,000	
15	Nguyễn Thanh	Tuấn	1	Di truyền giống	1,150,000	
16	Trần Văn	Quang	1	Di truyền giống	1,150,000	
17	Đoàn Văn	Lư	1	Rau - Hoa - Quả	1,150,000	
18	Phạm Thị Minh	Phượng	1	Rau - Hoa - Quả	1,150,000	
19	Nguyễn Hạnh	Hoa	1	Thực vật	1,150,000	
20	Bùi Văn	Đoàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
21	Nguyễn Xuân	Trạch	2	Chăn nuôi chuyên khoa	1,150,000	
22	Đỗ Đức	Lực	2	Di truyền Giống gia súc	1,150,000	
23	Hà Xuân	Bộ	2	Di truyền Giống gia súc	1,150,000	
24	Nguyễn Thị	Nguyệt	2	Sinh học động vật	1,150,000	
25	Tôn Thất	Son	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
26	Bùi Quang	Tuấn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	
27	Đặng Thuý	Nhung	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	1,150,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
28	Trần Thị Nắng	Thu	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
29	Nguyễn Ngọc	Tuấn	2	Nuôi trồng thủy sản	1,150,000	
30	Đặng Thái	Hải	2	Hoá sinh động vật	1,150,000	
31	Kim Văn	Vạn	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
32	Phạm Thị Lam	Hồng	2	Môi trường và Bệnh thủy sản	1,150,000	
33	Nguyễn Thị Phương	Giang	2	Sinh lý - Tập tính động vật	1,150,000	
34	Trần Danh	Mạnh	2	Trại Chăn nuôi	1,150,000	
35	Cao Việt	Hà	3	Khoa học đất	1,150,000	
36	Nguyễn Hữu	Thành	3	Khoa học đất	1,150,000	
37	Đỗ Nguyên	Hải	3	Khoa học đất	1,150,000	
38	Ngô Thị	Dung	3	Tài nguyên nước	1,150,000	
39	Nguyễn Quang	Học	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
40	Đỗ Văn	Nhạ	3	Quy hoạch đất	1,150,000	
41	Nguyễn Thanh	Trà	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
42	Đỗ Thị Đức	Hạnh	3	Quản lý đất đai	1,150,000	
43	Trần Quốc	Vinh	3	Hệ thống thông tin đất đai	1,150,000	
44	Nguyễn Như	Hà	3	Nông hóa	1,150,000	
45	Trần Trọng	Phương	3	Trắc địa bản đồ	1,150,000	
46	Nguyễn Đình	Trung	3	Trắc địa bản đồ	1,150,000	
47	Phạm Bích	Tuấn	3	Văn phòng Khoa QLDD	1,150,000	
48	Lê Minh	Lư	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
49	Nguyễn Xuân	Thiết	4	Cơ học kỹ thuật	1,150,000	
50	Đào Quang	Kế	4	Công nghệ cơ khí	1,150,000	
51	Lê Văn	Bích	4	Máy nông nghiệp	1,150,000	
52	Nguyễn Ngọc	Quế	4	Động lực	1,150,000	
53	Bùi Hải	Triều	4	Động lực	1,150,000	
54	Đặng Tiến	Hòa	4	Động lực	1,150,000	
55	Lê Anh	Sơn	4	Động lực	1,150,000	
56	Trần Như	Khuyên	4	TB bảo quản và CBNS	1,150,000	
57	Ngô Trí	Dương	4	Tự động hóa	1,150,000	
58	Nguyễn Xuân	Trường	4	Hệ thống điện	1,150,000	
59	Đỗ Hữu	Duật	4	Hệ thống điện	1,150,000	
60	Trần Thị Thuý	An	4	Văn phòng Khoa	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
61	Trần Văn	Đức	5	Kinh tế	1,150,000	
62	Nguyễn Tất	Thắng	5	Kinh tế	1,150,000	
63	Mai Thanh	Cúc	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
64	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
65	Quyền Đình	Hà (A)	5	Phát triển nông thôn	1,150,000	
66	Nguyễn Văn	Song	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
67	Nguyễn Mậu	Dũng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	1,150,000	
68	Trần Đình	Thao	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
69	Ngô Thị	Thuận	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
70	Nguyễn Thị Dương	Nga	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
71	Nguyễn Tuấn	Son	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
72	Hồ Ngọc	Ninh	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
73	Dương Nam	Hà	5	Phân tích định lượng	1,150,000	
74	Nguyễn Các	Mác	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
75	Nguyễn Viết	Đăng	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
76	Đỗ Kim	Chung	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	1,150,000	
77	Tổng Phương	Anh	5	Văn phòng Khoa KT và PTNT	1,150,000	
78	Lê Thị	Ngân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
79	Lê Văn	Hùng	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	1,150,000	
80	Vũ Thị Thu	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	1,150,000	
81	Hà Thị Hồng	Yến	6	Đường lối CM của ĐCSVN	1,150,000	
82	Trương Thị Thu	Hạnh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,150,000	
83	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	1,150,000	
84	Đỗ Thị Kim	Hương	6	Pháp luật	1,150,000	
85	Nguyễn Thị	Diễn	6	Xã hội học	1,150,000	
86	Trần Nguyễn	Hà	7	Phương pháp giáo dục	1,150,000	
87	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7	Phương pháp giáo dục	1,150,000	
88	Bùi Thị Hải	Yến	7	Phương pháp giáo dục	1,150,000	
89	Dương Thị	Thúy	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
90	Phạm Hương	Lan	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
91	Vũ Thị	Hương	7	Ngoại ngữ	1,150,000	
92	Đặng Thị	Vân	7	Tâm lý	1,150,000	
93	Nguyễn Hoàng	Anh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
94	Ngô Xuân	Mạnh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	1,150,000	
95	Phan Thị Phương	Thảo	8	Công nghệ chế biến	1,150,000	
96	Vũ Thị Kim	Oanh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	1,150,000	
97	Trần Thị Lan	Hương	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	1,150,000	
98	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	1,150,000	
99	Nguyễn Văn	Thọ	9	Ký sinh trùng	1,150,000	
100	Chu Đức	Thắng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
101	Phạm Ngọc	Thạch	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
102	Bùi Thị	Tho	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
103	Nguyễn Văn	Minh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	1,150,000	
104	Sử Thanh	Long	9	Ngoại sản	1,150,000	
105	Nguyễn Văn	Thanh	9	Ngoại sản	1,150,000	
106	Trịnh Đình	Thâu	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	1,150,000	
107	Nguyễn Bá	Tiếp	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	1,150,000	
108	Nguyễn Bá	Hiên	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
109	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
110	Tạ Thị Kim	Chung	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	1,150,000	
111	Dương Văn	Nhiệm	9	Thú y cộng đồng	1,150,000	
112	Phạm Hồng	Ngân	9	Thú y cộng đồng	1,150,000	
113	Nguyễn Hữu	Nam	9	Bệnh lý thú y	1,150,000	
114	Nguyễn Thị	Lan	9	Bệnh lý thú y	1,150,000	
115	Nguyễn Văn	Hải	9	Bệnh viện Thú y	1,150,000	
116	Phạm Việt	Nga	10	Toán học	1,150,000	
117	Nguyễn Thị Bích	Thủy	10	Toán học	1,150,000	
118	Đào Thu	Huyền	10	Toán học	1,150,000	
119	Nguyễn Hữu	Du	10	Toán học	1,150,000	
120	Nguyễn Hữu	Hải	10	Toán học	1,150,000	
121	Trần Đình	Đông	10	Vật lý	1,150,000	
122	Lê Văn	Dũng	10	Vật lý	1,150,000	
123	Hoàng Thị	Hà	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
124	Ngô Công	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
125	Nguyễn Doãn	Đông	10	Công nghệ phần mềm	1,150,000	
126	Nguyễn Thị	Thủy	10	Khoa học máy tính	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
127	Trần Thị Thu	Huyền	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
128	Phạm Quang	Dũng	10	Khoa học máy tính	1,150,000	
129	Nguyễn Hoàng	Huy	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
130	Trần Đức	Quỳnh	10	Toán - Tin ứng dụng	1,150,000	
131	Bùi Thị	Phúc	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
132	Lê Thị Minh	Châu	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
133	Trần Minh	Huệ	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
134	Lê Văn	Liên	11	Kế toán tài chính	1,150,000	
135	Kim Thị	Dung	11	Tài chính	1,150,000	
136	Lê Thị Thanh	Hảo	11	Tài chính	1,150,000	
137	Nguyễn Anh	Trụ	11	Marketing	1,150,000	
138	Trần Hữu	Cường	11	Marketing	1,150,000	
139	Chu Thị Kim	Loan	11	Marketing	1,150,000	
140	Nguyễn Hùng	Anh	11	Marketing	1,150,000	
141	Đỗ Văn	Viện	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
142	Nguyễn Quốc	Chỉnh	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
143	Nguyễn Hải	Núi	11	Quản trị kinh doanh	1,150,000	
144	Bùi Bằng	Đoàn	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	
145	Đỗ Quang	Giám	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	1,150,000	
146	Nguyễn Đức	Bách	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	1,150,000	
147	Tổng Văn	Hải	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	1,150,000	
148	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
149	Nguyễn Thị Lâm	Hải	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
150	Nguyễn Thanh	Hải	12	Công nghệ sinh học thực vật	1,150,000	
151	Nguyễn Văn	Giang	12	Công nghệ vi sinh	1,150,000	
152	Vũ Thị	Ly	12	Văn phòng Khoa CNSH	1,150,000	
153	Đinh Hồng	Duyên	13	Vi sinh vật	1,150,000	
154	Vũ Thị Xuân	Hương	13	Vi sinh vật	1,150,000	
155	Nguyễn Xuân	Thành	13	Vi sinh vật	1,150,000	
156	Đoàn Văn	Điểm	13	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
157	Nguyễn Đình	Thi	13	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
158	Trần Đức	Viên	13	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	
159	Ngô Thế	Ân	13	Sinh thái nông nghiệp	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
160	Trịnh Quang	Huy	13	Công nghệ môi trường	1,150,000	
161	Hoàng Thái	Đại	13	Công nghệ môi trường	1,150,000	
162	Nguyễn Thanh	Lâm	13	Quản lý môi trường	1,150,000	
163	Cao Trường	Son	13	Quản lý môi trường	1,150,000	
164	Phạm Thị	Thúy	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
165	Nguyễn Thị Thuý	Dung	14	Tài chính - Kế toán	1,150,000	
166	Nguyễn Huy	Cường	15	Phòng TCCB	1,150,000	
167	Phạm Bảo	Dương	15	Phòng TCCB	1,150,000	
168	Nguyễn Minh	Tiến	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
169	Nguyễn Văn	Dung	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
170	Bùi Trần Anh	Đào	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
171	Nguyễn Quang	Tự	16	Ban Quản lý đào tạo	1,150,000	
172	Lê Thị Bích	Liên	17	Phòng Hợp tác quốc tế	1,150,000	
173	Nguyễn ích	Tân	18	VT-HC	1,150,000	
174	Nguyễn Thị Hà	Nam	18	VT-HC	1,150,000	
175	Nguyễn Công	Tiếp	18	VT-HC	1,150,000	
176	Nguyễn Ngọc	Kính	19	Văn phòng	1,150,000	
177	Võ Văn	Nam	19	Văn phòng	1,150,000	
178	Nguyễn Việt	Dũng	19	Văn phòng	1,150,000	
179	Đặng Bá	Chính	19	Điện nước	1,150,000	
180	Hoàng Văn	Hưng	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
181	Nguyễn Đăng	Thiện	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
182	Nguyễn Xuân	Cừ	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
183	Trần Văn	Hậu	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
184	Nguyễn Văn	Toàn	20	Giáo dục thể chất	1,150,000	
185	Vũ Ngọc	Huyền	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
186	Nguyễn Tất	Thắng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
187	Dương Chí	Dũng	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
188	Nguyễn Thái	Son	21	Phòng CTCT và CTSV	1,150,000	
189	Nguyễn Viết	Duy	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định C	1,150,000	
190	Hoàng Đức	Liên	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định C	1,150,000	
191	Phạm Thị Thanh	Mai	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định C	1,150,000	
192	Đinh Nguyệt	ánh	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định C	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
193	Tô Văn	Nguyễn	22	TT Thông tin - Thư viện Lương Định Của	1,150,000	
194	Mai Xuân	Hùng	23	Kỹ thuật	1,150,000	
195	Hoàng Văn	Thêm	23	Đường lối quân sự	1,150,000	
196	Ngô Quang	Thắng	23	Chiến thuật	1,150,000	
197	Lê	Dự	23	Chiến thuật	1,150,000	
198	Nguyễn Thị	Tú	24	Phòng Thanh tra và Khảo thí	1,150,000	
199	Nguyễn Công	Uớc	24	Phòng Thanh tra và Khảo thí	1,150,000	
200	Nguyễn Bình	Trung	24	Phòng Thanh tra và Khảo thí	1,150,000	
201	Nguyễn Quốc	Trọng	25	Bảo vệ	1,150,000	
202	Nguyễn Văn	Duy	25	Bảo vệ	1,150,000	
203	Nguyễn Việt	Thễn	25	Bảo vệ	1,150,000	
204	Bùi Văn	Đức	25	Bảo vệ	1,150,000	
205	Phùng Minh	Đức	25	Bảo vệ	1,150,000	
206	Lê Tiến	Nam	25	Bảo vệ	1,150,000	
207	Nguyễn Quốc	Oánh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
208	Đỗ Lê	Anh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
209	Trần Thị Hoài	Anh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	1,150,000	
210	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	27	Trạm Y tế	1,150,000	
211	Vũ Văn	Cường	27	Trạm Y tế	1,150,000	
212	Lê Huỳnh Thanh	Phương	28	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
213	Trần Duy	Tùng	28	Phòng Khoa học công nghệ	1,150,000	
214	Đỗ Văn	Đại	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
215	Nguyễn Mai	Thơm	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	1,150,000	
216	Lê Trường	Giang	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
217	Lê Thị Bích	Liên	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
218	Đỗ Thị Thu	Hương	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
219	Vũ Thị	Chung	30	KTX Sinh viên	1,150,000	
220	Lê Văn	Nhường	30	Giảng đường	1,150,000	
221	Đỗ Thị	Hương	30	Giảng đường	1,150,000	
222	Nguyễn Đức	Lâu	30	Môi trường	1,150,000	
223	Nguyễn Anh	Tuấn	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	
224	Nguyễn Mạnh	Thước	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	
225	Lê Thị	Xuân	30	Quản lý dịch vụ	1,150,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
226	Nguyễn Văn	Thiện	30	Sửa chữa	1,150,000	
227	Nguyễn Thị Thu	Trang	31	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	1,150,000	
228	Nguyễn Hữu	Thuần	35	TT Dạy nghề và ứng dụng KT cao	1,150,000	
229	Ngô Thị Thanh	Tâm	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	1,150,000	
230	Nguyễn Thị	Huệ	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
231	Vũ Công	Cảnh	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	1,150,000	
232	Nguyễn Thị Lý	Anh	90	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,150,000	
Cộng					266,800,000	

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng./.

Danh sách này có 232 người

